

Số: 72/2016/NQ-HĐND

Đồng Tháp, ngày 08 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

Về việc thông qua danh mục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước để thực hiện dự án năm 2017 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ 3**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 114/NQ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ về quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu 2011-2015 tỉnh Đồng Tháp;

Xét Tờ trình số 111/TTr-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thông qua chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước để thực hiện dự án năm 2017 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra số 278/BC-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua danh mục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước để thực hiện dự án năm 2017 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp với tổng diện tích đất trồng lúa nước chuyển mục đích sang phi nông nghiệp để thực hiện dự án là 90,78 ha, với 40 dự án (danh mục kèm theo).

Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 20/2015/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2015 và Nghị quyết số 58/2016/NQ-HĐND ngày 03 tháng 8 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc thông qua danh mục chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước để thực hiện dự án năm 2016 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa IX, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./.

Nơi nhận:

- VPQH, VPCP (I, II), BCTĐB;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản (BTP);
- Ban Chỉ đạo Tây Nam bộ;
- TT/TU, UBND, UBMTTQ VN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- TT/HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]
***Phan Văn Thắng**

**DANH MỤC CHUYÊN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT LÚA
NĂM 2017 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG THÁP**

Kèm theo Nghị quyết số 72 /2016/NQ-QHĐND ngày 08 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân Tỉnh

Đơn vị tính: ha

Số TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Sử dụng từ các loại đất												Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Đất lúa	Đất cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại nông thôn	Đất trụ sở cơ quan	đất thủy lợi	đất nghĩa trang, nghĩa địa	Đất giao thông	Đất phi nông nghiệp khác		
I	Huyện Tân Hồng	21,42	11,26	10,16	9,18	0,08	0,00	0,00	0,00	0,70	0,00	0,00	0,00	0,00	0,20		
1	Cty TNHH ADC đầu tư xây dựng Nhà máy tại cụm công nghiệp Tân Thành B (khu trại giống)	21,42	11,26	10,16	9,18	0,08				0,70					0,20	Tân Thành B	Năm 2016 chuyển sang
II	Huyện Tam Nông	19,50	0,00	19,50	15,60	0,20	1,50	2,07	0,00	0,13	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00		
1	Dự án khu đô thị bờ đông thị trấn Tràm Chim (kêu gọi đầu tư)	10,00		10,00	8,60		1,40									TT Tràm Chim	Năm 2015 chuyển sang 2016, chuyển sang năm 2017
2	Khu dân cư phát triển đô thị xã An Long (khu thương mại An Long) (kêu gọi đầu tư)	9,50		9,50	7,00	0,20	0,10	2,07		0,13						An Long	Năm 2015 chuyển sang 2016, chuyển sang năm 2017
III	Huyện Thanh Bình	7,33	0,00	7,33	4,13	0,00	2,99	0,00	0,00	0,21	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00		
1	Nhà ở Công nhân Tân Phú (Cty TNHH Hùng Cá đầu tư)	7,33		7,33	4,13		2,99			0,21						xã Tân Phú	Năm 2016 chuyển sang
IV	Huyện Cao Lãnh	82,62	0,00	82,62	10,12	49,30	0,00	16,70	0,00	6,50	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00		
1	Công ty TNHH MTV Xăng dầu Ngọc Diệu	0,13		0,13	0,13											Gáo Giồng	
2	Cửa hàng kinh doanh xăng dầu - DNTN Phát Đạt	1,07		1,07	1,07											Ba Sao	
3	Khu du lịch sinh thái Bình Thạnh	80,00		80,00	7,50	49,30		16,70		6,50						Bình Thạnh	Năm 2015 chuyển sang 2016, chuyển sang năm 2017
4	Nhà máy xay xát	1,00		1,00	1,00											Ba Sao	Năm 2015 chuyển sang 2016, chuyển sang năm 2017
5	Chuyển mục đích sang đất sản xuất kinh doanh (Công ty Cổ phần thương mại bia Sài Gòn)	0,42		0,42	0,42											An Bình	Năm 2016 chuyển sang
V	Thị xã Hồng Ngự	1,80	0,00	1,80	0,90	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,90		
1	Nhà máy xay xát lúa gạo	0,50		0,50	0,25										0,25	Tân Hội	Năm 2016 chuyển sang

Số TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Sử dụng từ các loại đất												Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Đất lúa	Đất cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại nông thôn	Đất trụ sở cơ quan	đất thủy lợi	đất nghĩa trang, nghĩa địa	Đất giao thông	Đất phi nông nghiệp khác		
2	Nhà máy lau bóng gạo	1,30		1,30	0,65										0,65	Tân Hội	Năm 2016 chuyển sang
VI	Huyện Lấp Vò	39,79	0,00	39,79	25,86	12,92	0,00	0,00	0,20	0,81	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00		
1	Khu xử lý nước thải	0,29		0,29	0,29											Bình Thạnh Trung	Năm 2015 chuyển sang 2016, chuyển sang năm 2017
2	Khu dân cư Sao Mai	5,48		5,48	4,78	0,50			0,20							Bình Thạnh Trung	Năm 2015 chuyển sang 2016, chuyển sang năm 2017
3	Cty xăng dầu quân đội	0,63		0,63	0,63											Xã Vĩnh Thạnh	Năm 2016 chuyển sang
4	Chuyển mục đích sang đất sản xuất kinh doanh (Công ty Cổ phần ĐT&PT thủy sản TRISEDCO)	0,24		0,24	0,16	0,07				0,01						Bình Thành	Năm 2016 chuyển sang
5	Trạm dừng chân Nguyễn Bình	2,00		2,00	2,00											Mỹ An Hưng B	
6	Mở rộng nhà máy (doanh nghiệp tư nhân Kim Nguyễn)	0,30		0,30	0,16	0,14										Bình Thạnh Trung	
7	Mở rộng nhà máy (Hứa Tiến Nghĩa	0,02		0,02	0,01	0,01				0,00						Tân Mỹ	
8	Chuyển mục đích sang đất SKC	10,00		10,00	7,00	3,00										Long Hưng B	
9	Chuyển mục đích sang đất SKC	1,50		1,50	0,50	1,00										Bình Thạnh Trung	
10	Chuyển mục đích sang đất SKC	11,50		11,50	6,50	4,20				0,80						Mỹ An Hưng A	
11	Chuyển mục đích sang đất SKC	1,50		1,50	0,50	1,00										Mỹ An Hưng B	
12	Chuyển mục đích sang đất SKC	1,50		1,50	0,50	1,00										Tân Khánh Trung	
13	Chuyển mục đích sang đất SKC	1,50		1,50	0,50	1,00										Hội An Đông	
14	Chuyển mục đích sang đất SKC	1,00		1,00	0,50	0,50										thị trấn Lấp Vò	
15	Chuyển mục đích sang đất SKC	1,00		1,00	0,50	0,50										Định An	Năm 2016 chuyển sang
16	Trạm xăng dầu	0,21		0,21	0,21											Bình Thạnh Trung	Năm 2016 chuyển sang
17	Chuyển mục đích sang đất sản xuất kinh doanh (Công ty TNHH XNK Thịnh Hưng)	1,11		1,11	1,11												
VII	Huyện Hồng Ngự	0,10	0,00	0,15	0,12	0,00	0,00	0,00	0,00	0,03	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00		
1	Chuyển mục đích sang đất sản xuất kinh doanh (Doanh nghiệp tư nhân Phước Thanh)	0,10		0,10	0,07					0,03						Thường Phước 2	Năm 2016 chuyển sang
2	Cơ sở sản xuất nước đá Chín Minh	0,03		0,03	0,03											Thường Phước 2	Năm 2016 chuyển sang
3	DNTN xăng dầu Mai Khanh	0,02		0,02	0,02											Thường Thới Tiên	Năm 2016 chuyển sang

Số TT	Hạng mục	Diện tích quy hoạch (ha)	Diện tích hiện trạng (ha)	Sử dụng từ các loại đất												Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
				Diện tích (ha)	Đất lúa	Đất cây lâu năm	Đất nuôi trồng thủy sản	Đất nông nghiệp khác	Đất ở tại đô thị	Đất ở tại nông thôn	Đất trụ sở cơ quan	đất thủy lợi	đất nghĩa trang, nghĩa địa	Đất giao thông	Đất phi nông nghiệp khác		
VIII	Huyện Lai Vung	45,13	15,40	29,73	15,66	6,65	0,00	0,00	0,17	7,25	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00		
1	Dự án nuôi trồng thủy sản Cái Tôm	16,07	15,40	0,67	0,67											Định Hòa	Năm 2016 chuyển sang
2	Xi nghiệp may, thêu	13,50		13,50	8,64	4,71			0,15							TTLV	Năm 2015 chuyển sang 2016, chuyển sang năm 2017
3	Nhà máy sản xuất gỗ	13,90		13,90	5,00	1,65				7,25						Hòa Thành	Năm 2015 chuyển sang 2016, chuyển sang năm 2017
4	Chuyển mục đích sang đất sản xuất kinh doanh (Công ty Cổ phần Nông nghiệp Hùng Hậu)	0,03		0,03	0,03											Tân Thành	Năm 2016 chuyển sang
5	Chuyển mục đích sang đất sản xuất kinh doanh	0,40		0,40	0,40											Hòa Thành	Năm 2016 chuyển sang
6	Chuyển mục đích sang đất sản xuất kinh doanh	0,98		0,98	0,69	0,29										Tân Thành	Năm 2016 chuyển sang
7	Chuyển mục đích sang đất sản xuất kinh doanh	0,08		0,08	0,06				0,02							Long Hậu	Năm 2016 chuyển sang
8	Chuyển mục đích sang đất sản xuất kinh doanh	0,17		0,17	0,17											Hòa Thành	Năm 2016 chuyển sang
IX	Thành phố Cao Lãnh	38,10	0,00	38,10	9,21	20,90	0,00	4,50	3,49	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00		
1	Khu du lịch nghỉ dưỡng ven Sông Tiền	38,10		38,10	9,21	20,90		4,50	3,49							Phường 6	Năm 2015 chuyển sang 2016, chuyển sang năm 2017
Tổng		255,80	26,66	229,19	90,78	90,05	4,49	23,27	3,86	15,63	0,00	0,00	0,00	0,00	1,10	0,00	